

Bản án số: **53/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-7-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Quang Nghĩa**

Bà **Trần Thị Kim Tân**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồ Thị Sương** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Phương Dung** - Kiểm sát viên

Vào ngày 29/7/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST- HNGĐ ngày 26/3/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐST- HNGĐ ngày 29/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/QĐST - HNGĐ ngày 09/7/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N T**, sinh năm: 1999

Địa chỉ: ấp Tân Hưng, xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* Anh **Trần Quốc B**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: : Tân Hưng, xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

(Chị **T**, anh **B** vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị Nguyễn Thị N T trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, chị và anh **Trần Quốc B** chung sống với nhau năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai vào năm 2018. Vợ chồng chung không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh **B** không lo làm ăn, cò

bạc nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã xô sát. Anh chị đã ly thân từ tháng 03 năm 2019 đến nay. Thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh **B** đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn **B N**, sinh ngày 11/12/2017 khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn anh **Trần Quốc B** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh **B** vẫn vắng mặt, do đó không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tuân theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Về việc gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và tổng đạt cho đương sự đúng thời hạn theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm **B** thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của chị **T** nhận thấy: Chị **T** cho rằng sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh **B** không chăm lo đến gia đình, thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 03 năm 2019 cho đến nay. Từ khi không còn chung sống với nhau từ tháng 03 năm 2019 mạnh, ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập anh **B** nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai hay trình bày ý kiến gì. Ngoài ra chị **T** có đơn không tiến hành hòa giải. Tại biên bản xác minh trường ấp Tân Hưng xác nhận: anh **B** có đăng ký thường trú tại địa phương, anh **B** đang sống với mẹ ruột và con nhỏ. Tình trạng hôn nhân mâu thuẫn như thế nào thì ban ấp không nắm rõ. Từ những chứng cứ nêu trên thấy rằng mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị **T** được ly hôn với anh **B** là phù hợp.

Về con chung: Khi ly hôn chị **T** có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nguyễn **B N**, sinh ngày 11/12/2017 và không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu **N** còn nhỏ chưa được 36 tháng tuổi, tuy nhiên nay cháu đang ở với anh **B**, nhưng cháu lại là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do đó giao cháu **N** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **B**.

Về Tài sản chung, nợ chung: Anh **B** không cung cấp lời khai nên không giải quyết.

Từ phân tích trên, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **T**. Chị **T** được ly hôn với anh **B**.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn **B N**, sinh ngày 11/12/2017 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **B**.

Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị **Nguyễn Thị N T** có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh **Trần Quốc B**, do đó xác định chị **T** là nguyên đơn, anh **B** là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị **Nguyễn Thị N T** có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh **Trần Quốc B** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên xét xử vắng mặt chị **T** và anh **B** tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị N T** và anh **Trần Quốc B** tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và **B** vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị **T** nhận thấy: Vợ chồng chung không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh **B** không lo làm ăn, cờ bạc nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã xô sát. Anh chị đã ly thân từ tháng 03 năm 2019 đến nay. Thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh **B** đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Xét thấy, thời gian ly thân của anh chị đã lâu, bản thân anh chị đã tự hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh **B** nhiều lần để làm việc và hòa giải cho anh chị nhưng anh **B** vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương được biết thông tin hiện nay anh **B** hiện đang sinh sống tại địa phương cùng với con nhỏ và gia đình con mâu thuẫn vợ chồng thì ban áp không biết. Quá trình giải quyết vụ án chị **Nguyễn Thị N T** làm đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải cho anh chị. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho chị **T** được ly hôn với anh **B** là phù hợp.

[4] Về con chung: Khi ly hôn chị **Nguyễn Thị N T** có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nguyễn **B N**, sinh ngày 11/12/2017. Mặc dù hiện nay cháu **N** đang sống với anh **B**, tuy nhiên xét thấy, cháu **N** hiện dưới 36 tháng tuổi, hơn nữa cháu lại là con gái rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Do đó giao cháu Trần Nguyễn **B N** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp

Chị **T** không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con nên tạm dưỡng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **B**.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** trình bày không có. Tuy nhiên do anh **B** vắng mặt nên không có lời khai. Do vậy không xem xét giải quyết

[6] Về án phí: chị **T** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; của Luật Hôn nhân gia đình 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

-Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị N T** được ly hôn với anh **Trần Quốc B**.

2. Về con chung: Buộc anh **Trần Quốc B** giao cháu **Trần Nguyễn B N**, sinh ngày 11/12/2017 cho chị **Nguyễn Thị N T** trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **Trần Quốc B**

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật công nhận và **B** vệ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: chị **Nguyễn Thị N T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009147 ngày 26/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Chị **Nguyễn Thị N T** và anh **Trần Quốc B** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly

